

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**ĐIỆN MIỀN TRUNG**



## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                                      | <b>Trang</b>   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                                    | <b>1</b>       |
| <b>2. Thông tin chung</b>                                                                                                            | <b>2</b>       |
| <b>3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật</b>                                                                                  | <b>3</b>       |
| <b>4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>                                                                          | <b>4</b>       |
| <b>5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ<br/>tại ngày 30 tháng 06 năm 2026</b>                                                 | <b>5 - 8</b>   |
| <b>6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ<br/>Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026</b> | <b>9</b>       |
| <b>7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ<br/>Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026</b>           | <b>10 - 11</b> |
| <b>8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ<br/>Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026</b>    | <b>12 - 29</b> |

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

## THÔNG TIN CHUNG

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200519791, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 04 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp.

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:** Sản xuất và kinh doanh điện.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 058.3878092
- Fax : 058.3878092

### Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên               | Chức vụ            |                                     |
|-------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| Ông Đinh Quang Chiến    | Chủ tịch           |                                     |
| Ông Nguyễn Hoài Nam     | Thành viên         | Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2026 |
| Ông Vũ Quang Sáng       | Thành viên         |                                     |
| Bà Đinh Thu Thủy        | Thành viên         |                                     |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thư | Thành viên độc lập |                                     |
| Ông Phạm Sỹ Hùng        | Thành viên độc lập |                                     |
| Ông Phạm Đăng Thanh     | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2026   |

### Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên           | Chức vụ    |
|---------------------|------------|
| Ông Trịnh Giang Nam | Trưởng ban |
| Ông Bạch Đức Huyền  | Thành viên |
| Bà Hồ Thị Thu Oanh  | Thành viên |

### Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên             | Chức vụ           |                                     |
|-----------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Phạm Đăng Thanh   | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026   |
| Ông Nguyễn Hoài Nam   | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026 |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Phó Tổng Giám đốc |                                     |
| Ông Lê Quang Đạo      | Kế toán trưởng    |                                     |

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày 29 tháng 4 năm 2026 là Ông Nguyễn Hoài Nam, từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Đăng Thanh.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là Công ty Kiểm toán của Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công bố của người đại diện theo pháp luật**

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Người đại diện theo pháp luật**



**Phạm Đăng Thanh**

Ngày 24 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0571/26/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                    | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                 | <b>100</b> |             | <b>149.251.918.968</b> | <b>128.252.888.233</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>2.307.438.913</b>   | <b>23.426.172.547</b>  |
| 1. Tiền                                                     | 111        |             | 2.307.438.913          | 426.172.547            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                               | 112        |             | -                      | 23.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                        | <b>120</b> |             | <b>111.754.054.904</b> | <b>66.460.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                                   | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh                 | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn                 | 123        | V.2a        | 111.754.054.904        | 66.460.000.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn        | 124        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư ngắn hạn khác                                     | 125        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác         | 126        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                     | <b>130</b> |             | <b>32.540.548.757</b>  | <b>35.729.678.608</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                         | 131        | V.3         | 31.538.255.511         | 34.693.877.864         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                         | 132        |             | 791.897.760            | 665.316.160            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                                 | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng         | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu ngắn hạn khác                                   | 135        |             | 210.395.486            | 370.484.584            |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                       | 136        |             | -                      | -                      |
| 7. Tài sản thiếu chờ xử lý                                  | 137        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                                     | <b>140</b> |             | <b>2.584.378.663</b>   | <b>2.623.052.960</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                             | 141        | V.4         | 2.584.378.663          | 2.623.052.960          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                           | 142        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>                         | <b>150</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn               | 151        |             | -                      | -                      |
| 2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn              | 153        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>                            | <b>160</b> |             | <b>65.497.731</b>      | <b>13.984.118</b>      |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn                             | 161        |             | 65.497.731             | 13.984.118             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                      | 162        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                 | 163        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ               | 164        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                    | 165        |             | -                      | -                      |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                          | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                                   |            |             |                        |                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                        | <b>200</b> |             | <b>248.534.922.287</b> | <b>252.726.639.612</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                              | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                                | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                                | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc                             | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                                        | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu dài hạn khác                                          | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                              | 216        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                                        | <b>220</b> |             | <b>18.630.757.995</b>  | <b>22.550.622.476</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                       | 221        | V.5         | 8.614.927.725          | 12.511.192.952         |
| - Nguyên giá                                                      | 222        |             | 387.163.499.628        | 387.163.499.628        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                          | 223        |             | (378.548.571.903)      | (374.652.306.676)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                                 | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                      | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                          | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                                        | 227        | V.6         | 10.015.830.270         | 10.039.429.524         |
| - Nguyên giá                                                      | 228        |             | 11.171.258.705         | 11.171.258.705         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                          | 229        |             | (1.155.428.435)        | (1.131.829.181)        |
| <b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>                              | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ                              | 231        |             | -                      | -                      |
| a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng th | 232        |             | -                      | -                      |
| b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành   | 233        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                      | 234        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị khấu hao lũy kế                                         | 235        |             | -                      | -                      |
| 2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn                      | 236        |             | -                      | -                      |
| 3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn        | 237        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn                     | 238        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Bất động sản đầu tư</b>                                    | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                      | 241        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                          | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>                                 | <b>250</b> |             | <b>213.077.459</b>     | <b>213.077.459</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn                   | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                | 252        |             | 213.077.459            | 213.077.459            |
| <b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>                               | <b>260</b> |             | <b>226.850.000.000</b> | <b>226.850.000.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                                         | 261        | V.2b        | 226.850.000.000        | 226.850.000.000        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                        | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                 | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn               | 264        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn                        | 265        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn               | 266        |             | -                      | -                      |
| <b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>                                  | <b>270</b> |             | <b>2.841.086.833</b>   | <b>3.112.939.677</b>   |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn                                    | 271        |             | 839.381.420            | 1.111.234.264          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                                 | 272        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn                    | 273        | V.4         | 2.001.705.413          | 2.001.705.413          |
| 4. Tài sản dài hạn khác                                           | 274        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                          | <b>280</b> |             | <b>397.786.841.255</b> | <b>380.979.527.845</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                              |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                                       | <b>300</b> |             | <b>17.483.730.960</b> | <b>21.645.658.851</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                        | <b>310</b> |             | <b>17.483.730.960</b> | <b>21.645.658.851</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                               | 311        |             | 441.885.749           | 54.217.840            |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                         | 312        |             | -                     | -                     |
| 3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận                                | 313        |             | 1.060.622.000         | 980.366.000           |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn              | 314        | V.7         | 9.211.737.845         | 9.975.097.451         |
| 5. Phải trả người lao động                                   | 315        |             | 813.681.000           | 2.814.463.000         |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn                                 | 316        | V.8         | 1.540.000.000         | 1.915.000.000         |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn                                  | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn                            | 319        |             | -                     | -                     |
| 10. Phải trả ngắn hạn khác                                   | 320        |             | 36.246.305            | 36.252.299            |
| 11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                        | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả ngắn hạn                               | 322        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                | 323        | V.9         | 4.379.558.061         | 5.870.262.261         |
| 14. Quỹ bình ổn giá                                          | 324        |             | -                     | -                     |
| 15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ               | 325        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                        | <b>330</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                                | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                          | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn               | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Chi phí phải trả dài hạn                                  | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                         | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ dài hạn                                   | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn                             | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Phải trả dài hạn khác                                     | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                          | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Trái phiếu chuyển đổi                                    | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Cổ phiếu ưu đãi                                          | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                          | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Dự phòng phải trả dài hạn                                | 343        |             | -                     | -                     |
| 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                     | 344        |             | -                     | -                     |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>380.303.110.295</b> | <b>359.333.868.994</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.10        | 319.999.690.000        | 319.999.690.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 319.999.690.000        | 319.999.690.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn                                              | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu mua lại của chính mình                           | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | 9.725.778              | 9.725.778              |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                             | 419        |             | 184.975.286            | 184.975.286            |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 420        |             | 60.108.719.231         | 39.139.477.930         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 420a       |             | 739.515.130            | 39.139.477.930         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 420b       |             | 59.369.204.101         | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>397.786.841.255</b> | <b>380.979.527.845</b> |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Thanh Vân

Lê Quang Đạo

Phạm Đăng Thanh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                  | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND                             |                       |
|-----------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------------------------------|-----------------------|
|                                                           |       |             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này<br>Năm nay | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01    | VI.1        | 105.176.542.758                              | 91.193.255.190        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02    |             | -                                            | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 10    |             | 105.176.542.758                              | 91.193.255.190        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11    | VI.2        | 23.262.460.714                               | 19.329.592.144        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 20    |             | 81.914.082.044                               | 71.863.663.046        |
| 6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư | 21    |             | -                                            | -                     |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 22    | VI.3        | 35.950.290.548                               | 35.704.401.930        |
| 8. Chi phí tài chính                                      | 23    |             | -                                            | -                     |
| Trong đó: chi phí đi vay                                  | 24    |             | -                                            | -                     |
| 9. Chi phí bán hàng                                       | 25    |             | -                                            | -                     |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 26    | VI.4        | 5.635.374.634                                | 5.208.476.741         |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 30    |             | 112.228.997.958                              | 102.359.588.235       |
| 12. Thu nhập khác                                         | 31    |             | 5.600.000                                    | -                     |
| 13. Chi phí khác                                          | 32    |             | 76.918                                       | 274.694.523           |
| 14. Lợi nhuận khác                                        | 40    |             | 5.523.082                                    | (274.694.523)         |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 50    |             | 112.234.521.040                              | 102.084.893.712       |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51    | V.7         | 16.056.444.139                               | 14.064.013.657        |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại           | 52    |             | -                                            | -                     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp              | 60    |             | <u>96.178.076.901</u>                        | <u>88.020.880.055</u> |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70    | VI.5        | -                                            | -                     |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 71    | VI.5        | -                                            | -                     |

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Thanh Vân

Lê Quang Đạo

Phạm Đăng Thanh

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                                                                            |           |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                                   |                       |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 112.234.521.040                   | 102.084.893.712       |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                                   |                       |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.5;V.6     | 3.919.864.481                     | 3.853.515.395         |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        |             | -                                 | -                     |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                                 | -                     |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính                                                   | 05        | VI.3        | (35.937.889.971)                  | (35.696.910.958)      |
| - Chi phí đi vay                                                                           | 06        |             | -                                 | -                     |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                                 | -                     |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 80.216.495.550                    | 70.241.498.149        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | 3.189.129.851                     | (881.838.317)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |             | 38.674.297                        | 51.884.248            |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (3.618.063.328)                   | 348.610.137           |
| - Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ                                                           | 12        |             | 220.339.231                       | 415.438.027           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                                 | -                     |
| - Chi phí đi vay đã trả                                                                    | 14        |             | -                                 | -                     |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.8         | (15.189.860.502)                  | (14.879.075.411)      |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                                 | -                     |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.10        | (6.299.608.000)                   | (5.494.230.973)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>58.557.107.099</b>             | <b>49.802.285.860</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                                   |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                                 | (39.409.091)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                                 | -                     |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | (77.084.054.904)                  | (60.300.000.000)      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | 31.790.000.000                    | 46.150.000.000        |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                                 | -                     |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                                 | -                     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 35.937.889.971                    | 35.696.910.958        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>(9.356.164.933)</b>            | <b>21.507.501.867</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                  | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|---------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                           |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                               |       |             |                                   |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu            | 31    |             | -                                 | -                |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32    |             | -                                 | -                |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                     | 33    |             | -                                 | -                |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                    | 34    |             | -                                 | -                |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                         | 35    |             | -                                 | -                |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                | 36    |             | (70.319.675.800)                  | (89.497.769.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                              | 40    |             | (70.319.675.800)                  | (89.497.769.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                            | 50    |             | (21.118.733.634)                  | (18.187.981.473) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                          | 60    | V.1         | 23.426.172.547                    | 45.528.872.836   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                   | 61    |             | -                                 | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                          | 70    | V.1         | 2.307.438.913                     | 27.340.891.363   |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Thanh Vân

Lê Quang Đạo

Phạm Đăng Thanh

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom có trụ sở chính tại thôn K8, xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 69,8%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Số lượng người lao động**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 50 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 51 nhân viên).

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

#### **8. Thông tin khác**

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán “SEB” theo Quyết định số 08/TTGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 14 tháng 01 năm 2009 Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 31.999.969 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giá định hoạt động liên tục.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Sau ghi nhận ban đầu, thu nhập lãi cuối kỳ được ghi nhận vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **Các khoản đầu tư vào công ty con**

### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

### **Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán. Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện, phương tiện vận tải... Do đó, không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 15 – 20       |
| Máy móc và thiết bị             | 3 - 15        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 7 - 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 - 6         |

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (45 năm).
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 06 năm.

### **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông góp vốn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá được quy định tại Hợp đồng kinh tế ký kết với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

### 13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện và chỉ trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo theo bộ phận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

|                                                                      | Số cuối kỳ           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                             | 34.714.715           | 50.454.715            |
| Tiền gửi không kỳ hạn                                                | 2.272.724.198        | 375.717.832           |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                 | 2.127.506.905        | 86.256.480            |
| Các ngân hàng, tổ chức khác                                          | 145.217.293          | 289.461.352           |
| Tương đương tiền                                                     | -                    | 23.000.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -<br>Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng | -                    | 23.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b>2.307.438.913</b> | <b>23.426.172.547</b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng, có giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc và lãi cuối kỳ.

|                                      | Số cuối kỳ             |                  | Số đầu năm            |                  |
|--------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------|------------------|
|                                      | Giá gốc                | Giá trị dự phòng | Giá gốc               | Giá trị dự phòng |
| Ngân hàng TMCP An Bình               | 22.854.054.904         | -                | 22.170.000.000        | -                |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 60.000.000.000         | -                | 23.000.000.000        | -                |
| Ngân hàng TMCP Nam Á                 | 28.900.000.000         | -                | 21.290.000.000        | -                |
| <b>Cộng</b>                          | <b>111.754.054.904</b> | <b>-</b>         | <b>66.460.000.000</b> | <b>-</b>         |

##### 2b. Đầu tư vào Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100605687 thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom có vốn điều lệ là 325.000.000.000 VND (tương ứng 32.500.000 cổ phần). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom 226.850.000.000 VND, tương ứng 22.685.000 cổ phần, chiếm 69,8% vốn điều lệ, không thay đổi so với số đầu năm.

##### Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết..

##### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

##### Giao dịch với công ty con

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh giao dịch nhận cổ tức từ Công ty con, số tiền là 34.027.500.000 VND (kỳ trước là 34.027.500.000 VND)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu bên liên quan - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (Cổ đông lớn).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Hàng tồn kho**

|                           | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm           |          |
|---------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                           | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Vật tư sửa chữa, thay thế | 2.543.948.663        | -        | 2.582.622.960        | -        |
| Công cụ, dụng cụ          | 40.430.000           | -        | 40.430.000           | -        |
| <b>Cộng</b>               | <b>2.584.378.663</b> | <b>-</b> | <b>2.623.052.960</b> | <b>-</b> |
| Vật tư dự phòng           | 2.001.705.413        | -        | 2.001.705.413        | -        |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>4.586.084.076</b> | <b>-</b> | <b>4.624.758.373</b> | <b>-</b> |

**5. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                   |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 234.812.283.525        | 147.018.157.921        | 5.145.962.727                   | 187.095.455               | 387.163.499.628        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>234.812.283.525</b> | <b>147.018.157.921</b> | <b>5.145.962.727</b>            | <b>187.095.455</b>        | <b>387.163.499.628</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 49.233.426.081         | 144.219.647.503        | 3.734.785.454                   | 107.830.909               | 197.295.689.947        |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 224.584.549.133        | 146.000.504.460        | 3.926.622.643                   | 140.630.440               | 374.652.306.676        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 3.409.244.822          | 168.608.003            | 302.074.883                     | 16.337.519                | 3.896.265.227          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>227.993.793.955</b> | <b>146.169.112.463</b> | <b>4.228.697.526</b>            | <b>156.967.959</b>        | <b>378.548.571.903</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Số đầu năm                            | 10.227.734.392         | 1.017.653.461          | 1.219.340.084                   | 46.465.015                | 12.511.192.952         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>6.818.489.570</b>   | <b>849.045.458</b>     | <b>917.265.201</b>              | <b>30.127.496</b>         | <b>8.614.927.725</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                        |                                 |                           |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                      | -                               | -                         | -                      |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

|                                           | Nguyên giá             | Hao mòn lũy kế           | Giá trị còn lại      |
|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|
| Hệ thống đường giao thông                 | 46.796.424.100         | (46.796.424.100)         | -                    |
| Cửa nhận nước, đường hầm                  | 39.279.863.593         | (37.675.085.972)         | 1.604.777.621        |
| Máy phát điện                             | 50.705.747.451         | (50.705.747.451)         | -                    |
| Đập chính                                 | 35.575.440.715         | (34.130.031.464)         | 1.445.409.251        |
| Đập tràn, đập phụ                         | 36.419.027.594         | (35.108.450.626)         | 1.310.576.968        |
| Tháp điều áp, Nhà van và Đường ống áp lực | 25.934.718.771         | (24.880.698.595)         | 1.054.020.176        |
| Nhà máy, kênh xả                          | 26.941.284.979         | (25.966.194.647)         | 975.090.332          |
| Các tài sản cố định hữu hình khác         | 125.510.992.425        | (123.285.939.048)        | 2.225.053.377        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>387.163.499.628</b> | <b>(378.548.571.903)</b> | <b>8.614.927.725</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp*

Một số tài sản cố định hữu hình thuộc Nhà máy thủy điện EaKrông Rou có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.818.489.602 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Khoản vay đã tắt toán nhưng chưa hoàn thành thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

#### 6. Tài sản cố định vô hình

|                                          | Quyền sử dụng<br>đất lâu dài (*) | Quyền sử dụng<br>đất có thời hạn<br>(**) | Chương trình<br>phần mềm<br>máy tính | Cộng                  |
|------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                  |                                          |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | 8.717.871.300                    | 2.123.932.860                            | 329.454.545                          | 11.171.258.705        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>8.717.871.300</b>             | <b>2.123.932.860</b>                     | <b>329.454.545</b>                   | <b>11.171.258.705</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                  |                                          |                                      |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                                | -                                        | 329.454.545                          | 329.454.545           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                                  |                                          |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | -                                | 802.374.636                              | 329.454.545                          | 1.131.829.181         |
| Khấu hao trong kỳ                        | -                                | 23.599.254                               | -                                    | 23.599.254            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>-</b>                         | <b>825.973.890</b>                       | <b>329.454.545</b>                   | <b>1.155.428.435</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                                  |                                          |                                      |                       |
| Số đầu năm                               | 8.717.871.300                    | 1.321.558.224                            | -                                    | 10.039.429.524        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>8.717.871.300</b>             | <b>1.297.958.970</b>                     | <b>-</b>                             | <b>10.015.830.270</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                  |                                          |                                      |                       |
| Tạm thời không sử dụng                   | -                                | -                                        | -                                    | -                     |
| Đang chờ thanh lý                        | -                                | -                                        | -                                    | -                     |

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 10 Lam Sơn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được Công ty sử dụng để xây dựng trụ sở làm việc.

(\*\*) Quyền sử dụng đất diện tích 392.352,63 m<sup>2</sup> tại các xã Tây Ninh Hòa (xã Ninh Tây và xã Ninh Sim cũ), xã Tân Định (xã Ninh Xuân và xã Ninh Bình cũ), xã Ninh Hòa (xã Ninh Phụng cũ), tỉnh Khánh Hòa được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đến 27/01/2054 để xây dựng nhà máy thủy điện Ea Krong Rou.

#### 7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                            | Số đầu năm           | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã thực nộp<br>trong kỳ | Số cuối kỳ           |
|--------------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                 | 1.358.470.473        | 8.153.950.282           | (8.472.864.521)            | 1.039.556.234        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 5.927.099.398        | 16.056.444.139          | (15.189.860.502)           | 6.793.683.035        |
| Thuế thu nhập cá nhân                      | 30.205.483           | 2.969.306.281           | (2.974.769.974)            | 24.741.790           |
| Thuế tài nguyên nước                       | 1.755.700.281        | 8.009.151.508           | (9.019.004.619)            | 745.847.170          |
| Tiền thuê đất                              | -                    | 87.022.500              | (87.022.500)               | -                    |
| Phí cấp quyền khai thác tài<br>nguyên nước | -                    | 829.451.000             | (829.451.000)              | -                    |
| Phí dịch vụ môi trường rừng                | 903.621.816          | 2.616.341.976           | (2.912.054.176)            | 607.909.616          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>9.975.097.451</b> | <b>38.721.667.686</b>   | <b>(39.485.027.292)</b>    | <b>9.211.737.845</b> |

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                                          | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|
|                                                                                                          | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>       |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 112.234.521.040                          | 102.084.893.712        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.075.199.653                            | 2.262.674.572          |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 2.075.199.653                            | 2.262.674.572          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                                        | -                      |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                                                                | <b>114.309.720.693</b>                   | <b>104.347.568.284</b> |
| Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức được chia)                                                               | (34.027.500.000)                         | (34.027.500.000)       |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>                                                                                | <b>80.282.220.693</b>                    | <b>70.320.068.284</b>  |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                                      | 20%                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>16.056.444.139</b>                    | <b>14.064.013.657</b>  |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 2.204,0655 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

### **Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất với diện tích 141.500 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại xã Tây Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với đơn giá thuê đất theo thông báo số 1250/TB-KHH ngày 31/03/2026 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa với đơn giá thuê đất là 615 VND/m<sup>2</sup>/năm.

### **Phí dịch vụ môi trường rừng**

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

### **Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## **8. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Theo Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 11/04/2026, tổng chi phí các hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), chi phí tổ chức đại hội đồng cổ đông, thù lao và thưởng HĐQT, BKS năm 2026 không vượt quá 2,5% lợi nhuận sau thuế.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                 | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ       | Số cuối kỳ           |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.421.371.300        | 4.808.903.800                  | (6.070.000.000)        | 160.275.100          |
| Quỹ phúc lợi    | 4.448.890.961        | -                              | (229.608.000)          | 4.219.282.961        |
| Cộng            | <u>5.870.262.261</u> | <u>4.808.903.800</u>           | <u>(6.299.608.000)</u> | <u>4.379.558.061</u> |

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### 10a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                 | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>                 |                        |                       |                               |                                   |                        |
| Số đầu năm trước                | 319.999.690.000        | 9.725.778             | 184.975.286                   | 35.796.046.474                    | 355.990.437.538        |
| Lợi nhuận trong kỳ              | -                      | -                     | -                             | 88.020.880.055                    | 88.020.880.055         |
| Chia cổ tức bổ sung             | -                      | -                     | -                             | (31.999.969.000)                  | (31.999.969.000)       |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | -                      | -                     | -                             | (4.401.044.000)                   | (4.401.044.000)        |
| Tạm ứng cổ tức                  | -                      | -                     | -                             | (57.599.944.200)                  | (57.599.944.200)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>            | <u>319.999.690.000</u> | <u>9.725.778</u>      | <u>184.975.286</u>            | <u>29.815.969.329</u>             | <u>350.010.360.393</u> |
| <b>Kỳ này</b>                   |                        |                       |                               |                                   |                        |
| Số dư đầu năm                   | 319.999.690.000        | 9.725.778             | 184.975.286                   | 39.139.477.930                    | 359.333.868.994        |
| Lợi nhuận trong kỳ              | -                      | -                     | -                             | 96.178.076.901                    | 96.178.076.901         |
| Chia cổ tức bổ sung             | -                      | -                     | -                             | (38.399.962.800)                  | (38.399.962.800)       |
| Trích quỹ khen thưởng           | -                      | -                     | -                             | (4.808.903.800)                   | (4.808.903.800)        |
| Tạm ứng cổ tức                  | -                      | -                     | -                             | (31.999.969.000)                  | (31.999.969.000)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>            | <u>319.999.690.000</u> | <u>9.725.778</u>      | <u>184.975.286</u>            | <u>60.108.719.231</u>             | <u>380.303.110.295</u> |

#### 10b. Cổ phiếu

|                                           | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 31.999.969 | 31.999.969 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 31.999.969 | 31.999.969 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 31.999.969 | 31.999.969 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 10c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm năm 2026 ngày 11 tháng 04 năm 2026 như sau:

|                                   | Số được phân phối | Số đã trích trong năm trước | Số trích trong kỳ này |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông     | 121.599.882.200   | 83.199.919.400              | 38.399.962.800        |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6.239.122.100     | 6.239.122.100               | -                     |

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2026 (10%) cho các cổ đông với số tiền 31.999.969.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 91 CT/HĐQT ngày 11 tháng 4 năm 2026 và tạm trích quỹ khen thưởng với số tiền 4.808.903.800 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 11. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

#### 11a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 87.022.500           | 87.022.500           |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 348.090.000          | 348.090.000          |
| Trên 5 năm           | 2.008.769.375        | 2.095.791.875        |
| <b>Cộng</b>          | <b>2.443.881.875</b> | <b>2.530.904.375</b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê 141.500 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại xã Tây Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 615 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2004 đến hết ngày 27 tháng 01 năm 2054. Đơn giá thuê đất làm cơ sở lập thuyết minh này được tạm tính theo giá thuê đất năm 2026 (xem thuyết minh V.7).

#### 11b. Tài sản cầm cố, thế chấp (xem Thuyết minh số V.5)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là toàn bộ doanh thu cung cấp cho bên liên quan là Tổng Công ty Điện lực miền Trung – Cổ đông lớn, bao gồm: Doanh thu bán điện thương phẩm, phí dịch vụ môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### 2. Giá vốn hàng bán

Là toàn bộ chi phí sản xuất điện, bao gồm: giá thành sản xuất điện thương phẩm, phí dịch vụ môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                           | Năm nay                           | Năm trước             |
| Cổ tức được chia          | 34.027.500.000                    | 34.027.500.000        |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 1.910.389.971                     | 1.669.410.958         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 12.400.577                        | 7.490.972             |
| <b>Cộng</b>               | <b>35.950.290.548</b>             | <b>35.704.401.930</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 2.176.635.910                     | 2.091.187.435        |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 14.125.088                        | 17.901.998           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 17.788.786                        | -                    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 308.577.383                       | 311.572.210          |
| Thuế, phí và lệ phí              | -                                 | 3.000.000            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 184.210.676                       | 64.604.815           |
| Thù lao HĐQT, BKS                | 528.000.000                       | 468.000.000          |
| Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS  | 1.635.605.851                     | 1.719.607.223        |
| Các chi phí khác                 | 770.430.940                       | 532.603.060          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>5.635.374.634</b>              | <b>5.208.476.741</b> |

#### 5. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                            | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                            | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu              | 477.590.484                       | 214.674.598           |
| Chi phí nhân công                          | 7.066.616.825                     | 6.937.495.295         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định           | 3.919.864.481                     | 3.853.515.395         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                  | 1.161.884.239                     | 947.502.430           |
| Phí dịch vụ môi trường rừng                | 2.616.341.976                     | 2.049.803.820         |
| Thuế tài nguyên nước                       | 8.009.151.508                     | 6.051.401.851         |
| Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước    | 829.451.000                       | 666.849.500           |
| Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS | 2.163.605.851                     | 2.187.607.223         |
| Chi phí khác                               | 2.653.328.984                     | 1.629.218.773         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>28.897.835.348</b>             | <b>24.538.068.885</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về chia/tạm ứng cổ tức cho các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                          | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|--------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                          | Năm nay                           | Năm trước      |
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                                   |                |
| Ông Đinh Quang Chiến     | 17.580.288.000                    | 22.374.912.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Nam      | 55.860.000                        | 73.080.000     |
| Bà Đinh Thu Thủy         | 17.723.200.000                    | 22.556.800.000 |
| Ông Vũ Quang Sáng        | 28.160.000                        | 35.840.000     |
| Ông Phạm Sỹ Hùng         | 2.244.000                         | 2.856.000      |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                                   |                |
| Ông Trịnh Giang Nam      | 1.672.000                         | 4.528.000      |

### Các cá nhân có liên quan

|                                                      |             |               |
|------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| Bà Nguyễn Thị Mai - Chị dâu của ông Đinh Quang Chiến | 822.351.200 | 1.046.628.800 |
| Ông Vũ Quang Hội - Em ruột ông Vũ Quang Sáng         | 28.160.000  | 35.840.000    |
| Ông Vũ Quang Bảo - Em ruột ông Vũ Quang Sáng         | 28.160.000  | 35.840.000    |
| Bà Trần Thị Thắm - Vợ ông Vũ Quang Sáng              | 28.160.000  | 35.840.000    |
| Ông Vũ Quang Thái - Con trai ông Vũ Quang Sáng       | 660.000     | 840.000       |
| Bà Trần Thị Triều Linh - Vợ ông Nguyễn Hoài Nam      | 118.800     | 5.191.200     |
| Bà Lê Thị Nha Trang - Chị dâu của Lê Quang Đạo       | 33.228.800  | 42.291.200    |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như các cá nhân có liên quan.

### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Kỳ này                  | Chức vụ                                                    | Tiền lương           | Thù lao            | Tiền thưởng          | Cộng                 |
|-------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Đinh Quang Chiến    | Chủ tịch HĐQT                                              | -                    | 60.000.000         | 583.000.000          | 643.000.000          |
| Ông Nguyễn Hoài Nam     | Thành viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 01/05/2026) | 299.045.000          | 84.000.000         | 669.000.000          | 1.052.045.000        |
| Ông Phạm Đăng Thanh     | Thành viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 01/05/2026)  | 59.742.000           | 24.000.000         | -                    | 83.742.000           |
| Ông Vũ Quang Sáng       | Thành viên HĐQT                                            | -                    | 48.000.000         | 396.870.000          | 444.870.000          |
| Bà Đinh Thu Thủy        | Thành viên HĐQT                                            | -                    | 48.000.000         | 396.870.000          | 444.870.000          |
| Ông Phạm Sỹ Hùng        | Thành viên HĐQT                                            | -                    | 48.000.000         | 396.870.000          | 444.870.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thu | Thành viên HĐQT                                            | -                    | 48.000.000         | 396.870.000          | 444.870.000          |
| Ông Trịnh Giang Nam     | Trưởng BKS                                                 | 229.399.000          | 48.000.000         | 360.870.000          | 638.269.000          |
| Ông Bạch Đức Huyền      | Thành viên BKS                                             | -                    | 48.000.000         | 218.000.000          | 266.000.000          |
| Bà Hồ Thị Thu Oanh      | Thành viên BKS                                             | -                    | 48.000.000         | 218.000.000          | 266.000.000          |
| Ông Nguyễn Trung Kiên   | Phó Tổng Giám đốc                                          | 326.987.000          | -                  | 330.680.000          | 657.667.000          |
| Ông Lê Quang Đạo        | Kế toán trưởng                                             | 321.308.000          |                    | 308.084.000          | 629.392.000          |
| <b>Cộng</b>             |                                                            | <b>1.236.481.000</b> | <b>504.000.000</b> | <b>4.275.114.000</b> | <b>6.015.595.000</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

|                         | Chức vụ                           | Tiền lương         | Thù lao            | Tiền thưởng          | Cộng                 |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Kỳ trước</b>         |                                   |                    |                    |                      |                      |
| Ông Đinh Quang Chiến    | Chủ tịch HĐQT                     | -                  | 60.000.000         | 520.400.000          | 580.400.000          |
| Ông Nguyễn Hoài Nam     | Thành viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc | 256.730.000        | 48.000.000         | 415.400.000          | 720.130.000          |
| Ông Vũ Quang Sáng       | Thành viên HĐQT                   | -                  | 48.000.000         | 358.600.000          | 406.600.000          |
| Bà Đinh Thu Thủy        | Thành viên HĐQT                   | -                  | 48.000.000         | 358.600.000          | 406.600.000          |
| Ông Phạm Sỹ Hùng        | Thành viên HĐQT                   | -                  | 48.000.000         | 358.600.000          | 406.600.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thu | Thành viên HĐQT                   | -                  | 48.000.000         | 358.600.000          | 406.600.000          |
| Ông Trịnh Giang Nam     | Trưởng BKS                        | 165.765.000        | 48.000.000         | 321.700.000          | 535.465.000          |
| Ông Bạch Đức Huyền      | Thành viên BKS                    | -                  | 48.000.000         | 200.800.000          | 248.800.000          |
| Bà Hồ Thị Thu Oanh      | Thành viên BKS                    | -                  | 48.000.000         | 200.800.000          | 248.800.000          |
| Ông Nguyễn Trung Kiên   | Phó Tổng Giám đốc                 | 209.429.000        | -                  | 214.200.000          | 423.629.000          |
| Ông Lê Quang Đạo        | Kế toán trưởng                    | 229.006.000        | -                  | 293.556.000          | 522.562.000          |
| <b>Cộng</b>             |                                   | <b>860.930.000</b> | <b>444.000.000</b> | <b>3.601.256.000</b> | <b>4.906.186.000</b> |

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác                            | Mối quan hệ                      |
|-----------------------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom             | Công ty con                      |
| Tổng Công ty Điện lực miền Trung              | Cổ đông lớn                      |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco            | Cổ đông lớn                      |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm     | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa            | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Solar Power Ninh Thuận       | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con tại TM V.2b và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1, Công ty còn phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

|                                           | Kỳ này         | Kỳ trước       |
|-------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Tổng Công ty Điện lực miền Trung</b>   |                |                |
| Chia Cổ tức                               | 16.896.000.000 | 21.504.000.000 |
| <b>Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco</b> |                |                |
| Chia Cổ tức                               | 8.111.769.600  | 10.324.070.400 |
| <b>Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa</b> |                |                |
| Sử dụng dịch vụ                           | 454.696.340    | 542.793.993    |

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 2. Số liệu so sánh

### 2a. Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200/Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

### 2b. Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ như sau:

|                            | Mã số | Số liệu trước<br>điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau<br>điều chỉnh |
|----------------------------|-------|-----------------------------|----------------|---------------------------|
| Phải trả cổ tức, lợi nhuận | 313   | -                           | 980.366.001    | 980.366.001               |
| Phải trả ngắn hạn khác     | 320   | 1.016.618.299               | (980.366.001)  | 36.252.298                |

## 3. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/ tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh V.6 và Thuyết minh V.7)

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 10 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

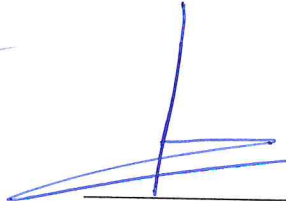
Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập



Hoàng Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Lê Quang Đạo

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Đăng Thanh

